

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU ĐỨC  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/DSST  
Ngày 13/6/2024  
V/v “Tranh chấp đòi bồi thường  
thiệt hại về tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Anh  
*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Hoa  
2. Ông Trịnh Hữu Hải

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trịnh Quang Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:***  
Bà Ngô Thị Hồng Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 13/6/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2022/TLST - DS ngày 05/12/2022 về việc “Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại về tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-DS ngày 03/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-DS ngày 17/5/2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hà T, sinh năm 1972; HKTT: Tổ C, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1965; HKTT: Tổ C, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đoàn Thị Kim N, sinh năm 1971; HKTT: Tổ C, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vợ ông T, có mặt)

- Bà Tôn Nữ Bích H, sinh năm 1970; HKTT: Tổ C, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vợ ông P, có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**[1]. Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hà T trình bày:**

Ông Hà T là chủ sử dụng quyền sử dụng đất thuộc 235 tờ bản đồ 14 diện tích 3.569 m<sup>2</sup> (Đất Cây lâu năm) tại xã N, huyện C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 737162 ngày 09/6/2020. Nguồn gốc đất được tặng cho, gia đình ông T sử dụng đất ổn định, không phát sinh mâu thuẫn hay tranh chấp với ai.

Năm 2020, hộ ông Nguyễn Văn P (có thửa đất 259, tờ bản đồ 14) giáp ranh với đất ông T khởi kiện tranh chấp một phần diện tích giáp ranh với đất của ông. Tuy nhiên, sau khi đến Tòa án giải quyết thì ông P rút đơn khởi kiện và đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Đức ra Quyết định đình chỉ vụ án. Ngày 24/03/2022 ông P làm bản cam kết sẽ không phá hoại và xâm phạm các tài sản của gia đình ông T.

Tuy nhiên, sau đó ông P có hành vi tháo lưới B40 và trụ bê tông dựng để xác định ranh đất hai thửa hai bên, gia đình ông T đã làm đơn trình báo với công an xã N, khi Công an xã xuống hiện trường làm việc có ghi nhận sự việc trên. Đồng thời Công an xã N kết luận như sau: Yêu cầu gia đình ông T liên hệ với Công an xã để nhận lại lưới B40 và trụ bê tông. Tuy nhiên, đến nay gia đình ông chưa nhận lại được số tài sản trên.

Và ngày 08/08/2022 phía đại diện UBND xã N có xuống đất để xác định lại ranh giới đất giữa hai bên. Nhưng vào khoảng giữa tháng 08/2022, ông Nguyễn Văn P có hành vi đập phá và tháo dỡ tài sản trên đất của ông và gây ra thiệt hại một số tài sản.

Nay nguyên đơn ông T khởi kiện và yêu cầu ông P phải bồi thường như sau: Bồi thường 29 trụ bê tông giá trị 2.900.000 đồng. 74m lưới B40 giá 5.000.000 đồng. 01 cây me giá 1.000.000 đồng; 01 cây sàu đầu giá 500.000 đồng; 03 cây mít giá 3.000.000 đồng. Ông P gây thiệt hại đào đá móng giá trị 3.000.000 đồng. Ông P đào xới đất để làm nương (mức 01 xe đất) giá 2.000.000 đồng. Tiền công trồng 24 trụ bê tông và kéo lưới là 1.600.000 đồng. Tổng cộng là 19.000.000 đồng.

Nếu gia đình ông P khắc phục lại toàn bộ các thiệt hại trên cho gia đình ông T (trừ thiệt hại về cây trồng bị chặt) thì ông T chỉ yêu cầu các phần còn lại.

**[2]. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P:**

Bị đơn ông Nguyễn Văn P đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa lần thứ nhất, không có lời khai tại hồ sơ. Tại phiên tòa hôm nay, ông P có mặt và trình bày như sau: Giữa gia đình ông và gia đình ông T có tranh chấp về đường đi, trước đây ông có nộp đơn lên Tòa án giải quyết nhưng vì cũng là hàng xóm nên ông rút đơn. Hiện thì đất vẫn đang tranh chấp, theo lời khai của ông P thì đường đi mà ông T đang đi là đất của ông, ông cho ông

T đi nhờ. Đối với việc ông T cho rằng ông phá hàng rào, chặt cây, đào đất của ông T thì ông P không thừa nhận vì ông không làm. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc ông phải bồi thường thiệt hại là 19.000.000 đồng thì ông không đồng ý.

**[2]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Kim N:**

Bà N là vợ ông T, bà hoàn toàn đồng ý với ý kiến của ông T về việc cầu ông P phải bồi thường các thiệt hại cho gia đình bà và không bổ sung gì thêm.

**[3] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tôn Nữ Bích H** trình bày: Bà là vợ ông P, gia đình bà có xảy ra tranh chấp với gia đình ông Hà T, nhưng vụ án đã đình chỉ do phía ông bà rút đơn. Đối với tất cả các khoản ông T yêu cầu thì bà không đồng ý. Lý do bà hoàn toàn không có hành vi phá hoại các tài sản mà ông T liệt kê; Không chặt bất cứ cây nào của ông Hà T, chỉ chặt 01 cây me (cây này nằm trên phần đất của gia đình bà). Còn cây sấu đầu và cây mít thì bà không chặt, đối với lưới B40 do ông T rào trên đất của bà nên bà gỡ ra và để tại chỗ, ông Thông báo với Công an xã nên Công an đã thu giữ số lưới trên.

**[4]. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:**

Về tố tụng: Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48; Thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 35, 39; Tư cách người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 70, 71, 72; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196; Vụ án còn vi phạm thời hạn xét xử theo quy định theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa; Đối với đương sự đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải bồi thường tổng số tiền 19.000.000 đồng.

Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

**Về tố tụng:**

[1] Căn cứ vào yêu cầu của đương sự, đây là vụ án “Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại về tài sản”. Bị đơn cư trú tại huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P: Quá trình giải quyết vụ án ông Phi P không đến Tòa án làm việc và tham gia các phiên hòa giải, tuy nhiên tại phiên tòa ông P có mặt và trình bày ý kiến. Hội đồng xét xử căn cứ vào các lời khai của ông P để ghi nhận và đánh giá.

**Về nội dung:**

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa hôm nay nhận thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường tổng số tiền 19.000.000 đồng gồm các thiệt hại 29 trụ bê tông giá trị 2.900.000 đồng. 74m lưới B40 giá 5.000.000 đồng. 01 cây me giá 1.000.000 đồng; 01 cây sầu đâu giá 500.000 đồng; 03 cây mít giá 3.000.000 đồng. Ông P gây thiệt hại đào đá móng giá trị 3.000.000 đồng. Ông P đào xới đất để làm mương (mức 01 xe đất) giá 2.000.000 đồng. Tiền công trồng 24 trụ bê tông và kéo lưới là 1.600.000 đồng. Tổng cộng là 19.000.000 đồng, thì thấy:

Xuất phát từ việc tranh chấp một phần đất (lỗi đi) giữa ông Hà T là chủ sử dụng quyền sử dụng đất thuộc 235 tờ bản đồ 14 diện tích 3.569 m<sup>2</sup> (Đất Cây lâu năm) tại xã N, huyện C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 737162 ngày 09/6/2020 và hộ ông Nguyễn Văn P là chủ sử dụng thửa đất 259, tờ bản đồ 14 tại xã N, huyện C. Tuy nhiên sau khi thụ lý giải quyết thì nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ vụ án.

Ngày 24/03/2022 ông P làm bản cam kết sẽ không phá hoại và xâm phạm các tài sản của gia đình ông T.

Quá trình sử dụng đất tiếp theo, hai bên vẫn xảy ra những mâu thuẫn với nhau, theo đó chính quyền địa phương đã kết hợp với Công an xã N tiến hành lập biên bản ghi nhận sự việc. Tại các biên bản ngày 02/8/2022, ngày 15/9/2023; Biên bản thực địa ngày 07/9/2023 đã ghi nhận sự việc và ý kiến của các bên, xác định các tài sản gồm lưới, trụ bê tông đề nghị ông Hà T liên hệ với Công an xã nhận lại.

Quá trình chứng minh tại Tòa, ông T cho rằng các tài sản thiệt hại là do phía ông P gây ra và nêu giá trị tài sản bị thiệt hại trong khi số tiền yêu cầu bồi thường chỉ là nguyên đơn ước lượng, thời điểm nguyên đơn cho rằng bị thiệt hại nhưng không có chứng cứ, hóa đơn để chứng minh. Theo hồ sơ thể hiện có công

văn trả lời của Công an xã N cho biết có sự việc cuối năm 2020 hộ ông T có báo bị mất lưới B40 nhưng không xác định được đối tượng trộm cắp. Do vậy, không đủ căn cứ chứng minh việc mất 74m lưới B40 của nguyên đơn là do bị đơn gây ra. Mặt khác, nguyên đơn cho rằng bị đơn gây các thiệt hại nhưng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh thời điểm bị đơn gây thiệt hại là khi nào. Bị đơn không bị xử lý vi phạm hay bị lập biên bản gì về việc gây thiệt hại cho ông T.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2024 cũng chỉ ghi nhận được hiện trạng giáp ranh đất và các tài sản hiện hữu thời điểm đo. Trong suốt quá trình giải quyết, những căn cứ nguyên đơn đưa ra đều là lời trình bày một phía của nguyên đơn. Nguyên đơn không chứng minh được có thiệt hại về tài sản là do ông P gây ra nên không có căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Lời khai của bà Bích H tại tòa thể hiện: Gia đình bà hoàn toàn không có hành vi phá hoại các tài sản mà ông T liệt kê, không chặt bất cứ cây nào của ông Hà T, chỉ chặt 01 cây me (cây này nằm trên phần đất của gia đình bà). Còn cây sấu đầu và cây mít thì bà không chặt, đối với lưới B40 do ông T rào trên đất của bà nên bà gỡ ra và để tại chỗ, ông Thông báo với Công an xã nên Công an đã thu giữ số lưới trên.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xác định không có cơ sở để chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà T về việc buộc bị đơn ông P phải bồi thường thiệt hại bằng tiền vì đã có hành vi phá các tài sản trên đất của ông.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng: Buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39; Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 584; 585; Điều 589 Bộ Luật dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTWQH.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà T về việc “Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại về tài sản” với bị đơn ông Nguyễn Văn P.

2. Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ): Hết tổng số tiền 500.000 đồng, ông Hà T phải chịu và đã đóng tạm ứng số tiền trên nên đã giải quyết xong.

3. Về án phí: Ông Hà T phải nộp 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 475.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008465 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Ông Hà T còn phải tiếp tục nộp 475.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”*



